

Số: /KH-UBND

Nam Định, ngày tháng 7 năm 2020

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai Đề án hợp tác quốc tế**  
**về phát triển kinh tế biển tỉnh Nam Định đến năm 2030**

Căn cứ Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 05/12/2018 của Tỉnh ủy Nam Định thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của BCH Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

UBND tỉnh Nam Định xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

**1. MỤC ĐÍCH:**

- Quán triệt, triển khai đầy đủ các nội dung của Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tới tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút các hoạt động hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển nhằm huy động các nguồn lực, tri thức, kinh nghiệm và tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các nước, các tổ chức quốc tế và các đối tác, góp phần thực hiện thành công các quan điểm, mục tiêu tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

## **2. YÊU CẦU:**

- Triển khai đồng bộ, trọng tâm, trọng điểm các hoạt động hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển trên cơ sở Luật Biển Việt Nam và luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

- Phát triển bền vững kinh tế biển dựa trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, tăng cường liên kết, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, phát huy tiềm năng, lợi thế của biển, tạo động lực phát triển kinh tế của tỉnh.

- Giữ gìn giá trị truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa đi đôi với xây dựng, gắn kết, thân thiện với biển; tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn. Gắn bảo vệ môi trường với phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, sự cố môi trường biển.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP:**

### **1. Về quản trị biển, quản lý vùng bờ.**

- Kiện toàn bộ máy và tăng cường cơ sở vật chất, năng lực quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển của Chi cục Biển - Sở Tài nguyên và Môi trường theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, đảo.

- Tăng cường nguồn lực đầu tư cho các lực lượng làm nhiệm vụ thực thi pháp luật, làm công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp, thống nhất về biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển, bảo đảm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn cao. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, địa phương về công tác biển.

- Xác định phạm vi, ranh giới quản lý biển giữa các huyện, xã tiếp giáp với biển, bảo đảm công tác quản lý nhà nước về biển có hiệu lực, hiệu quả, tránh chồng lấn, tranh chấp trên biển.

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương thực hiện rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về biển; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Luật Tài nguyên, Môi trường Biển và Hải đảo cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Xây dựng và đưa vào vận hành ổn định, thông suốt cơ chế phối hợp, liên thông trong cấp phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

- Trên cơ sở bộ tiêu chí, chỉ tiêu quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển, xây dựng bộ tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

- Xây dựng và thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Nam Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Triển khai lập Quy hoạch không gian biển theo quy định của Luật Quy hoạch, trong đó tích hợp quy hoạch không gian biển và các quy hoạch chuyên ngành liên quan đến biển, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

- Hoàn thành việc cấm mốc hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Nam Định. Xây dựng hiện đại hóa cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường biển của tỉnh, kết nối, chia sẻ với Trung ương.

- Xây dựng và thực hiện Chương trình quan trắc tổng hợp tài nguyên môi trường biển, chương trình điều tra phân loại các nguồn thải trên biển. Tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa đại dương.

- Đa dạng hóa hình thức và nội dung tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển tới mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

## **2. Về phát triển kinh tế biển, ven biển:**

### **2.1. Du lịch và dịch vụ biển:**

- Chú trọng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, các khu du lịch tắm biển Quất Lâm, Thịnh Long, khu Nhà thờ đồ xã Hải Lý,... Tăng cường mối liên kết giữa các điểm du lịch biển với các điểm du lịch khác trên địa bàn tỉnh. Kết nối, hình thành các chương trình du lịch biển, nghỉ dưỡng dài ngày kết hợp với các loại hình vui chơi giải trí, thi đấu thể thao,... Nghiên cứu phát triển các loại hình du lịch mới như du lịch hội nghị, hội thảo (MICE), du lịch gắn với thể thao,...

- Hướng dẫn, hỗ trợ người dân sản xuất ra các sản phẩm phục vụ khách du lịch nhất là khách quốc tế. Đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch, nhất là các sản phẩm hàng hóa du lịch từ tài nguyên biển, các sản phẩm đặc trưng của địa phương trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học biển. Phát huy giá trị du lịch Khu dự trữ sinh quyển thế giới đất ngập nước ven biển liên tỉnh châu thổ sông Hồng.

- Rà soát, xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi cho công tác quy hoạch, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xúc tiến quảng bá du lịch, để tạo sự phát triển đột phá cho du lịch và dịch vụ biển.

- Xây dựng và phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao, dịch vụ đa dạng mang đặc trưng, thế mạnh riêng của tỉnh.

### **2.2. Kinh tế hàng hải:**

- Khai thác có hiệu quả Cảng Hải Thịnh, Cảng cá và các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão trên địa bàn tỉnh. Chú trọng phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ, dịch vụ hậu cần nghề cá với quy mô hợp lý, ứng dụng công nghệ hiện đại để

phục vụ cho hoạt động khai thác nguồn lợi trên biển. Nghiên cứu việc mở rộng, nâng cấp Cảng Hải Thịnh, cảng cá Ninh Cơ để tăng khả năng tiếp nhận, thu hút các tàu có trọng tải lớn cập cảng.

- Đầu tư nâng cấp, nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải; lắp đặt, bảo trì hệ thống báo hiệu, đèn biển, nhà trạm,...

- Phát triển đội tàu vận tải biển theo hướng hiện đại, hiệu quả với chất lượng ngày càng cao, cơ cấu hợp lý, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng. Phát triển dịch vụ vận tải biển đồng bộ với hệ thống cảng sông biển, tập trung khai thác hiệu quả các tuyến vận tải biển nội địa, góp phần giảm chi phí, nâng cao sản lượng vận tải. Phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, vận tải đa phương thức.

- Phát huy tối đa lợi thế về vị trí của các cảng sông biển trên địa bàn tỉnh để thu hút các tàu trọng tải từ trung bình đến lớn vận chuyển hàng hóa qua cảng; tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý cảng biển, hãng tàu biển trong và ngoài nước để thu hút nguồn hàng thông qua cảng biển pha sông tỉnh Nam Định.

- Nghiên cứu khả năng xây dựng cảng biển chuyên dùng phục vụ cho phát triển Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông huyện Nghĩa Hưng, Nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định tại Hải Hậu.

### 2.3. Khai thác dầu khí, tài nguyên khoáng sản biển:

- Tăng cường công tác tìm kiếm các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng biển tỉnh Nam Định.

- Tăng cường quản lý và giám sát việc khai thác, sử dụng khu vực biển, tài nguyên khoáng sản biển.

### 2.4. Nuôi trồng và khai thác hải sản:

- Ưu tiên kêu gọi đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản hàng hóa, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; lựa chọn các đối tượng có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Nam Định, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, trong đó tập trung vào các đối tượng nuôi chủ lực như nuôi tôm, ngao, cá,...

- Tổ chức sản xuất theo hướng liên doanh liên kết, doanh nghiệp, hiệp hội, sản xuất theo chuỗi giá trị; Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình nuôi VietGAP nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái hướng tới nuôi trồng thủy sản bền vững.

- Ứng dụng công nghệ cao và tiết kiệm năng lượng phục vụ khai thác hải sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, thân thiện môi trường, góp phần bảo vệ quốc phòng và an ninh trên biển; khuyến khích phát triển đội tàu khai thác vùng khơi, giảm dần đội tàu khai thác vùng ven bờ và vùng lộng; khuyến khích tổ chức, cá nhân ký kết hợp tác khai thác hải sản vùng biển nước ngoài.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, học tập, chia sẻ kinh nghiệm nhằm ngăn chặn khai thác hải sản bất hợp pháp, tham gia hiệp định nghề cá khu vực và trên thế giới.

- Thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại, hợp tác quốc tế phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu các sản phẩm thủy sản theo đường chính ngạch. Kêu gọi và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư thu mua, chế biến các nhóm sản phẩm có lợi thế của tỉnh như: sứa, nước mắm truyền thống, bột cá, các sản phẩm từ nhuyễn thể hai mảnh vỏ,... Cung cấp thông tin thị trường kịp thời cho các cơ sở, doanh nghiệp để định hướng sản xuất nguyên liệu, chế biến sản phẩm theo dự báo và nhu cầu của thị trường.

- Kêu gọi các nguồn lực quốc tế hợp tác đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, đào tạo kỹ thuật, chuyển giao công nghệ phát triển sản xuất thủy sản công nghệ cao.

- Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất giống, nuôi trồng, chế biến hải sản; phát triển nuôi trồng hải sản ven biển theo hướng sản xuất hàng hoá, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với điều kiện của môi trường của tỉnh. Tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực sản xuất con giống nhằm tạo ra con giống sạch bệnh, tiến tới chủ động sản xuất tại chỗ các đối tượng nuôi hiện chưa sản xuất được như tôm thẻ chân trắng và cá song, cá vược.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá, đào tạo nguồn nhân lực trong quản lý, nâng cao nhận thức và hành vi khai thác hải sản cho cộng đồng ngư dân,... nhằm phát triển khai thác hải sản có trách nhiệm, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

#### 2.5. Công nghiệp ven biển:

- Hoàn thiện các điều kiện để đề nghị Chính phủ cho phép thành lập Khu kinh tế Ninh Cơ. Tăng cường thu hút đầu tư xây dựng, phát triển đồng bộ Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông, từng bước hình thành khu đô thị thương mại, dịch vụ dệt may - thời trang hiện đại. Có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế tại các khu công nghiệp ven biển.

- Hoàn thành xây dựng và vận hành khai thác Nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định. Tiếp tục thu hút đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông ven biển, sản xuất, thương mại - dịch vụ. Thu hút các dự án quy mô lớn, hiện đại, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, ưu tiên các dự án đầu tư có quy mô lớn, sử dụng nhiều lao động, dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, sản xuất sạch, đảm bảo các quy chuẩn về môi trường tạo nền tảng để thực hiện kế hoạch thành lập Khu kinh tế Ninh Cơ.

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp đóng và sửa chữa tàu thủy, thiết bị điện, máy thủy, công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp sạch gắn với nuôi trồng, khai thác thủy hải sản, xây dựng các tổng kho phân phối. Chú trọng thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao như thiết bị điện, điện tử, công nghiệp phần mềm, dược phẩm,...

- Huy động các nguồn lực ngoài ngân sách của tỉnh và có cơ chế, chính sách phù hợp cho đầu tư phát triển công nghiệp ven biển.

## 2.6. Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới:

- Ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên vùng biển của tỉnh phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước phối hợp đầu tư khai thác nguồn năng lượng tái.

- Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác trên vùng biển tỉnh Nam Định.

## 2.7. Phát triển kết cấu hạ tầng biển và ven biển:

- Quy hoạch và đầu tư các khu đô thị ven biển gắn với hình thành và phát triển các trung tâm kinh tế biển, trong đó chuyên sâu về: Phát triển công nghiệp, thương mại hỗn hợp, các khu vui chơi giải trí, khách sạn cao cấp để hướng tới du lịch sinh thái; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch thể thao, văn hóa, giải trí gắn với khám phá, trải nghiệm, ẩm thực, tổ chức sự kiện,... Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng vùng kinh tế ven biển.

- Xây dựng và phát triển các khu đô thị ven biển (Thịnh Long, Quất Lâm, Rạng Đông), trong đó xây dựng Thành phố Thịnh Long - Rạng Đông trở thành trung tâm phía Tây Nam của tỉnh với chức năng phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với cảng biển.

- Tập trung thu hút đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối vùng kinh tế biển của tỉnh với các trục giao thông trọng điểm quốc gia và với các tỉnh trong vùng biển và ven biển phía bắc như đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển của tỉnh với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn tỉnh Nam Định, các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ để tạo hành lang kết nối khu vực kinh tế biển của tỉnh với các khu vực khác trong vùng ven biển và Bắc bộ. Trong giai đoạn 2021- 2030 tập trung đầu tư hoàn thành một số công trình: Đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển với cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình; Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn tỉnh Nam Định; Đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình; Các tuyến đường Quốc lộ, Tỉnh lộ để tạo hành lang kết nối với khu vực kinh tế biển.

- Tranh thủ các nguồn lực để tiếp tục đầu tư hoặc kêu gọi xúc tiến đầu tư xây dựng các công trình đề điều, thủy lợi tập trung ở khu vực ven biển. Xác định lộ trình cụ thể trong từng giai đoạn phát triển 5 năm để đầu tư nâng cấp hệ thống

đê biển của tỉnh đảm bảo khả năng chống chịu được bão trên cấp 12 trong điều kiện triều cường. củng cố hệ thống mỏ kè giữ bãi ở các khu vực xung yếu, tăng cường áp dụng các biện pháp phòng chống biển xâm thực, xói lở bờ biển, nhất là ở khu vực huyện Hải Hậu, khu sinh thái huyện Nghĩa Hưng.

- Rà soát và tổ chức thực hiện Quy hoạch hệ thống thủy lợi đảm bảo phục vụ phát triển sản xuất, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về thoát lũ và hạn chế xâm nhập mặn.

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng về nước sạch và thủy lợi cấp, tiêu thoát nước cho phát triển các ngành kinh tế, sinh hoạt, du lịch, dịch vụ tại các vùng ven biển của tỉnh.

- Đầu tư phát triển đồng bộ bên cảng và luồng vào cảng; tiếp nhận tàu trọng tải lớn, các tàu container thế hệ mới; xây dựng các cảng chuyên dùng, các cảng hành khách đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng cảng tổng hợp mới ở khu vực Hải Thịnh, Nghĩa Hưng, phục vụ khu Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông.

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai dự án kênh đào nối sông Đáy và Ninh Cơ với tuyến vận tải thủy ven biển qua cửa Lạch Giang (sông Ninh Cơ), với quy mô xây dựng kênh, âu tàu, cầu vượt âu tàu và đường dẫn.

### **3. Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển**

- Xây dựng các giải thưởng về biển và nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia các hoạt động về biển.

- Thống kê, đánh giá chỉ số phát triển con người tại 03 huyện ven biển của tỉnh và so sánh với chỉ số phát triển con người trung bình của cả nước hàng năm.

- Giám sát việc thực hiện bộ tiêu chí chuẩn về y tế cho vùng biển.

- Nâng cao điều kiện làm việc và nhận thức về an toàn, an ninh hàng hải cho người đi biển và ngư dân.

- Đánh giá hiện trạng thiết chế văn hoá và xây dựng các giải pháp nhằm duy trì thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư biển và ven biển, bao gồm bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế, cơ sở vật chất và nguồn kinh phí hoạt động.

- Phục hồi, nâng cấp và xây dựng mới các trung tâm văn hóa biển đặc trưng của tỉnh.

- Biên soạn và đưa vào chương trình giáo dục các tài liệu về biển, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên; giáo dục nâng cao nhận thức về biển, cho cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng các tiêu chí “sáng, xanh, sạch, đẹp” để phát triển bền vững và thực hiện các định hướng của

Chính phủ về xây dựng nông thôn mới đối với 03 huyện ven biển. Tập trung xây dựng huyện Hải Hậu trở thành huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Bảo tồn, tôn tạo các kiến trúc, di sản thiên nhiên, văn hóa, tôn giáo ở khu vực ven biển. Phát triển các thiết chế văn hóa truyền thống cho cộng đồng dân cư, phát huy bản sắc, giá trị lịch sử và văn hóa dân tộc. Nâng cao đời sống sinh hoạt, đảm bảo an ninh, an toàn cho dân cư sinh sống ở vùng ven biển và dân cư lao động trên biển.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển tại các khu vực thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

#### **4. Điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển**

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong khai thác, nuôi trồng, bảo quản, chế biến thủy sản sau thu hoạch. Chuyển từ nuôi trồng thủy sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp có ứng dụng công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong chuỗi giá trị khép kín từ nuôi trồng, khai thác, bảo quản đến chế biến, nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế, tính cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Nghiên cứu lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy hải sản thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn. Hợp tác và liên kết “bốn nhà” (Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông) trong phát triển nông nghiệp bền vững vùng ven biển.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các cơ sở dịch vụ khoa học công nghệ của tỉnh làm tư vấn và cung cấp thông tin khoa học, ứng dụng công nghệ và các vấn đề liên quan để các doanh nghiệp lựa chọn công nghệ, chuyển giao công nghệ phù hợp. Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Thường xuyên chủ động tìm kiếm, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức khoa học trong và ngoài nước để tiến hành điều tra, đánh giá về tài nguyên, hệ sinh thái biển và ven biển của tỉnh.

- Xây dựng một số trung tâm, chương trình đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao để phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân ven biển.

- Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng tránh thiên tai,... cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học.

#### **5. Về bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng**

- Thực hiện nghiêm túc các điều ước, thỏa thuận khu vực và quốc tế về biển, đại dương mà Việt Nam đã tham gia; nghiên cứu thúc đẩy tham gia các điều ước quốc tế về các lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học biển. Tăng cường quản lý rác thải biển, nhất là rác thải nhựa đại dương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, nhất là dân cư sinh sống ở khu vực ven biển. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư vào khu vực ven biển có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường biển.

- Tăng cường bảo vệ và phát triển diện tích rừng ngập mặn ở Vườn quốc gia Xuân Thủy, khu vực phía Nam huyện Nghĩa Hưng và các khu vực đất ngập nước có thể trồng được rừng ngập mặn. Tăng cường trồng cây chắn sóng trên khu vực bãi cát nổi để bảo vệ hệ thống đê biển. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Xuân Thủy; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư tại các khu vực ven biển.

- Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên hệ sinh thái, đa dạng sinh học, nhất là ở khu vực vùng biển ven bờ, làm cơ sở để thực hiện công tác quản lý sử dụng bền vững, bảo tồn và bảo vệ.

- Tăng cường các biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát, quan trắc ô nhiễm môi trường biển. Đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ cho hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường tại các huyện ven biển. Chú trọng thu gom, xử lý chất thải nhựa trên biển.

- Xây dựng Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông, quy hoạch Khu kinh tế Ninh Cơ, các khu đô thị ven biển theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn và có hệ thống xử lý chất thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường của Việt Nam.

- Nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, thường xuyên cập nhật, hoàn thiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh cho phù hợp với giai đoạn đến 2030 và tầm nhìn đến 2045.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện để phòng tránh thiên tai, phù hợp với từng địa bàn theo phương châm “bốn tại chỗ”. Phát huy trách nhiệm và huy động các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tích cực tham gia phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai. Sẵn sàng các phương án di dân ở những vùng có nguy cơ gây thiệt hại cao, khi có tình huống xấu nhất xảy ra.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu biển của tỉnh; triển khai việc tích hợp và số hoá cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của các sở, ngành, địa phương với cơ sở dữ liệu biển của tỉnh; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ bảo đảm việc nhập, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về biển của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách chuyên đổi nghề, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn ven biển.

- Mở rộng phạm vi điều tra, thu thập số liệu về đa dạng sinh học, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại các vùng biển, ven biển của tỉnh; hoàn thiện dữ liệu các khu vực có tiềm năng làm cơ sở đề xuất thành lập mới các khu bảo tồn biển.

- Phối hợp với các tổ chức quốc tế trong việc tìm kiếm các nguồn tài trợ, giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học biển; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hợp tác xây dựng các khu bảo tồn biển liên tỉnh trong khu vực.

- Thực hiện các chương trình, đề án, dự án phục hồi và phát triển các hệ sinh thái thảm cỏ biển, bãi triều - cửa sông, rừng ngập mặn và rừng phòng hộ ven biển.

- Thực hiện đầu tư hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần khu vực Hải Hậu; phòng, chống biển xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn. Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường biển, ứng phó có hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm, sự cố môi trường biển, gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

## **6. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế**

- Tập trung xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên vùng biển. Tăng cường khả năng hiệp đồng, phối hợp với các lực lượng của quân khu, quân chủng trong việc tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các quyền lợi chính đáng, hợp pháp của tỉnh và quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các đề án: Tăng cường quản lý, bảo vệ chủ quyền vùng biển, giữ gìn an ninh trật tự để phát triển kinh tế - xã hội trên khu vực biên giới biển tỉnh Nam Định; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo; tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển đảo Việt Nam theo Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 28/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường tuần tra, kiểm soát bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, cửa sông, giám sát hoạt động nghề cá. Quản lý nghiêm các hoạt động xuất nhập cảnh. Xử lý tốt các vấn đề về an ninh trật tự, an ninh tôn giáo. Phòng ngừa và

đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm ma túy, mua bán người, buôn lậu,... trên vùng biển và ven biển của tỉnh.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

#### **1. Trách nhiệm của các Sở, Ngành, Địa phương**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030 nói chung, Đề án hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế biển đến năm 2030 nói riêng; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Đề án.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện tốt Luật Thủy sản năm 2017; chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển ngành thủy sản phù hợp với Kế hoạch phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các quy hoạch chuyên ngành để phát triển thủy sản, chỉ đạo đầu tư xây dựng các trung tâm nghề cá lớn; thực hiện phòng, chống thiên tai từ biển; xây dựng các chính sách về nuôi trồng và khai thác thủy sản, bảo tồn biển; bảo tồn, phục hồi và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển, ven biển để đóng góp vào phát triển kinh tế biển, ven biển.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xác định các nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nhiệm vụ thu hút các nguồn vốn khác trong và ngoài nước; ưu tiên và kịp thời bố trí nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai, phát huy hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26-NQ/CP; Chương trình hành động số 28-CTr/TU, Kế hoạch số 40/KH-UBND và Kế hoạch này; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

4. Sở Tài Chính trình các cấp có thẩm quyền cân đối nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26-NQ/CP, Chương trình hành động số 28-CTr/TU, Kế hoạch số 40/KH-UBND và Kế hoạch này cho các sở, ngành trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển; phát triển các ngành công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường.

6. Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình có thẩm quyền ban hành, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và vận tải đường bộ, hàng hải, đường thủy nội địa phục vụ phát triển kinh tế biển; tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về hợp tác công - tư trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển.

7. Sở Xây Dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình UBND tỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các đô thị ven biển, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung tâm kinh tế biển; thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật cho các đô thị ven biển.

8. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh về biển.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

10. Sở Y tế chủ trì đề xuất các giải pháp và tổ chức theo dõi các chỉ số phát triển con người (HDI) của các huyện ven biển, đảm bảo cao hơn mức trung bình của cả tỉnh và cả nước. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, an toàn lao động, phòng chống dịch bệnh, kiểm soát quy mô dân số nhất là ở khu vực ven biển. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, nhân lực cho cơ sở y tế tuyến huyện ven biển. Bố trí cơ sở y tế làm đầu mối để phối hợp giải quyết, xử lý nhanh các tình huống khẩn cấp và thường xuyên trên biển.

11. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiện toàn tổ chức bộ máy ở tỉnh và các huyện ven biển về quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai, các đề án, dự án, nhiệm vụ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, nhất là nhân lực chất lượng cao, cùng với khoa học và công nghệ làm khâu đột phá.

13. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các đề án, dự án, nhiệm vụ tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức của nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển, về tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

14. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan có liên quan làm tốt nhiệm vụ phòng,

chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực ven biển.

15. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh trên vùng biển và ven bờ tỉnh Nam Định; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân trên các vùng biển; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; kiên trì xây dựng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định và trật tự pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển bền vững kinh tế biển.

16. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh chủ động nghiên cứu, xây dựng quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Nam Định đến năm 2030, trong đó định hướng phát triển ở khu vực ven biển của tỉnh. Tập trung hoàn thiện các khu công nghiệp, các dự án đã đầu tư ở khu vực ven biển. Tăng cường xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế biển.

17. Các sở, ngành có tên nêu trên và Ủy ban nhân dân các huyện: Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng:

- Căn cứ nhiệm vụ được giao trong các văn bản nêu trên và chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc thực hiện Kế hoạch; tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ nhằm phát triển bền vững kinh tế biển; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện và trước tháng 12 hằng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh.

- Chủ trì rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến biển thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao, bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26-NQ/CP, Chương trình hành động số 28-CTr/TU, Kế hoạch số 40/KH-UBND và Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc tham gia xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và Chiến lược, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo phương pháp tích hợp, đa ngành.

- Triển khai thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ đã nêu trong Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 12/5/2020 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/03/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa

XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và triển khai thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ đã nêu trong Kế hoạch này (*Có danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án cụ thể kèm theo*).

**2.** Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tỉnh Nam Định đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Kế hoạch có liên quan./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên & Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành trong tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Nam Định, Đài PTTH tỉnh;
- Website tỉnh và Website VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phùng Hoan**